



<https://eec.vn/>



# XÁC ĐỊNH GIÁ KHỞI ĐIỂM CỦA DỰ ÁN CÁC-BON RỪNG

**Công ty Cổ phần Tư vấn Năng lượng và Môi trường (VNEEC)**

📍 Tầng 8, toà nhà Diamond Flower, 48 Lê Văn Lương, Yên Hoà, Hà Nội

☎ +84 886675609

✉ eec@eec.vn





## > 19 năm kinh nghiệm: góp phần kiến tạo tương lai Net-zero

- Dẫn đầu về kiểm kê và giảm phát thải KNK, xây dựng và tham gia thị trường các-bon và các hoạt động bảo vệ tầng ô-dôn tại Việt Nam.
- Tiên phong đánh giá dấu chân các-bon và rủi ro khí hậu cho doanh nghiệp và quỹ đầu tư tại Việt Nam, thúc đẩy tăng trưởng bền vững và trách nhiệm khí hậu.
- Giàu kinh nghiệm về tăng trưởng xanh, nâng cao hiệu suất và chuyển dịch năng lượng.



## > 200 dự án tư vấn kỹ thuật: từ xây dựng năng lực đến hình thành khung chính sách và cơ chế quản trị phát thải thấp

- Đồng hành cùng các bộ, ngành, địa phương và đối tác quốc tế như ADB, ETP/UNOPS, JICA, GIZ, UNDP, UKPACT, WB... trong xây dựng và triển khai các chiến lược, hành động tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Tham gia xây dựng các báo cáo quốc gia của Việt Nam cho UNFCCC (NCs, BUR 2 và 3, BTR1); đánh giá và xây dựng NDC 2022 và NDC 3.0.



## > 175 dự án tín chỉ các-bon đăng ký thành công

theo CDM, VCS, GS, GCC, trong đó có 02 Chương trình Hoạt động (PoA)



## > 20 triệu tín chỉ các-bon được ban hành

Vị trí dự án của VNEEC



# Dự án “Thúc đẩy các giải pháp dựa vào thiên nhiên thông qua các dự án tín chỉ các-bon rừng”

- Dự án được triển khai từ tháng 2/2023 đến tháng 1/2025 trong khuôn khổ Chương trình Đối tác cho Thị trường Các-bon do Nền tảng Đối tác Kinh Doanh của Bộ Ngoại giao và Thương mại Úc tài trợ.
- Các kết quả chính:
  - Nghiên cứu khả thi nhằm đánh giá tiềm năng áp dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên, bao gồm REDD+, ARR, IFM và WRC, đã được triển khai tại hai tỉnh Thừa Thiên Huế và Tuyên Quang;
  - 02 Biên bản ghi nhớ (MoU) đã được ký kết với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn của hai tỉnh;
  - Các cuộc họp và hội thảo tham vấn với các bên liên quan, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, công ty lâm nghiệp và cộng đồng địa phương, đã được tổ chức nhằm nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực và thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan để tối ưu hóa phương án triển khai dự án.
  - Xây dựng và hoàn thiện 02 văn kiện dự án tín chỉ các-bon theo Tiêu chuẩn vàng (Gold Standard) cho hoạt động ARR tại Thừa Thiên Huế và Tiêu chuẩn các-bon được thẩm tra (VCS) đối với hoạt động IFM tại Tuyên Quang.



# Thông tin dự án mẫu dùng trong minh họa cho phương pháp định giá

Nội dung	Mô tả
Địa điểm	Tuyên Quang
Tiêu chuẩn	Tiêu chuẩn các-bon được thẩm tra VCS
Diện tích dự án	1.050,20 ha
Hoạt động dự án	Kéo dài chu kì khai thác từ 4 năm lên 6 năm (IFM)
Loài cây áp dụng	Cây bạch đàn
Giai đoạn tín dụng	40 năm
Lượng tín chỉ ước tính	366.063 tín chỉ

# Ví dụ minh họa định giá theo phương pháp chi phí

$$G_{kđ} = \frac{C_{dc}}{C_r} + (G_{cp} * P_{kv}\% + G_{cp} * P_{sk}\%) + G_{cp} * t\%$$

Kí hiệu	Giải thích	Giá trị	Nguồn dữ liệu
$C_{dc}$	Tổng chi phí thực tế thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh, bảo vệ rừng, xây dựng, đăng ký, đo đạc, báo cáo, thẩm định, cấp tín chỉ (ước tính dựa trên các biện pháp kỹ thuật thực hiện trong dự án các-bon rừng, giá nhân công trung bình tại khu vực thực hiện dự án các-bon rừng, chi phí đăng kí dự án theo tiêu chuẩn tín chỉ các-bon,..)	<b>2.823.589,74\$</b>	- Chi phí chăm sóc và bảo vệ rừng lấy theo thông tư 21/2023/TT-BNNPTNT - Chi phí đăng ký theo VCS được lấy theo thông tin từ Verra; - Chi phí phát triển dự án và MRV được lấy theo nguồn từ đơn vị tư vấn.
$C_r$	Lượng tín chỉ các-bon dự kiến tạo ra từ dự án, tính bằng tCO <sub>2td</sub>	<b>366.063 tCO<sub>2td</sub></b>	Theo ước tính từ đơn vị tư vấn
$G_{cp}$	Giá tín chỉ các-bon theo chi phí tính bằng đồng cho 01 tín chỉ các-bon	<b>7,71\$/tCO<sub>2td</sub></b>	Theo tính toán của đơn vị tư vấn
$P_{kv}\%$	Tỷ lệ lợi nhuận kỳ vọng từ thực hiện dự án	<b>20%</b>	Theo hướng dẫn từ quy định phương pháp định giá
$P_{sk}\%$	Tỷ lệ hỗ trợ phát triển sinh kế	<b>15%</b>	Theo hướng dẫn từ quy định phương pháp định giá
$t$	Thuế, phí, lệ phí theo quy định (nếu có), tính bằng tỷ lệ phần trăm (%)	<b>8%</b>	Tính theo VAT
$G_{kđ}$	<b>Giá khởi điểm tính bằng Đồng Việt Nam cho 01 tín chỉ các-bon, tính bằng tấn CO<sub>2</sub> tương đương (tCO<sub>2td</sub>) tạo ra từ dự án các-bon rừng</b>	<b>11,03\$/ tín chỉ</b>	Theo tính toán của đơn vị tư vấn

Lượng tín chỉ tạo ra từ dự án sẽ được trao đổi, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân sử dụng để thực hiện cam kết giảm phát thải tự nguyện

# Ví dụ minh họa định giá theo phương pháp chi phí

1	Xác định chi phí thực hiện DA ( $C_{dc}$ ): <b>2.823.589,74\$</b>	⇒ Phí chăm sóc, bảo vệ rừng: 2.371.185,25\$	⇒ Phí đăng ký theo tiêu chuẩn VCS: 219.444,50\$	⇒ Phí tư vấn phát triển dự án: 50.000,00\$	⇒ Phí MRV: 182.960,00\$
2	Xác định lượng tín chỉ dự kiến được trao đổi ( $C_{rtn}$ ): <b>366.063 tCO<sub>2td</sub></b>	⇒ Lượng tín chỉ/ 1 chu kỳ: 52.295 tCO <sub>2td</sub>	⇒ Lượng tín chỉ/ vòng đời dự án: 366.063 tCO <sub>2td</sub>		
3	Xác định giá 1 tín chỉ theo chi phí ( $G_{cp}$ ):	⇒ $G_{cp} = \frac{C_{dc}}{C_{rtn}} = 7,71\$/tCO_{2td}$			
4	Xác định lợi nhuận kỳ vọng ( $P_{kv}$ ) và kinh phí hỗ trợ phát triển sinh kế ( $P_{sk}$ )	⇒ $P_{kv} = G_{cp} \times P_{kv\%}$ $P_{kv} = 7,71 \times 20\% = 1.54 \$/tCO_{2td}$		⇒ $P_{sk} = G_{cp} \times P_{sk\%}$ $P_{sk} = 7,71 \times 15\% = 1.16 \$/tCO_{2td}$	
5	Tiền thuế, phí, lệ phí (t)	⇒ $t = G_{cp} \times 8\% = 7.71 \times 8\% = 0.62 \$/tCO_{2td}$			
6	Tính giá khởi điểm ( $G_{kd}$ )	⇒ $G_{kd} = G_{cp} + P_{kv} + P_{sk} + t = \mathbf{11,03\$/tín\ chỉ}$			

Lượng tín chỉ tạo ra từ dự án sẽ được trao đổi, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân sử dụng để thực hiện cam kết giảm phát thải tự nguyện

# Đánh giá doanh thu dự án theo phương pháp chi phí

Giai đoạn tín dụng (năm)	Số năm kéo dài khai thác (năm/chu kỳ)	Số lượng chu kỳ	Số tín chỉ / chu kỳ	Doanh thu tín chỉ / chu kỳ (USD)
40	2	7	52.295	576.819

# Ví dụ minh họa định giá theo phương pháp so sánh

$$G_{kđ} = G_{tc} \times \frac{K1 + K2 + K3}{3}$$

Kí hiệu	Giải thích	Giá trị	Nguồn
<i>G<sub>tc</sub></i>	Giá tín chỉ các-bon tham chiếu	15,5\$	Trường hợp thị trường các-bon trong nước chưa có giao dịch, tiến hành thu thập thông tin từ thị trường tự nguyện quốc tế
<i>K1</i>	Hệ số chất lượng tín chỉ các-bon do dự án các-bon tạo ra	0,8	Nguồn từ quy định phương pháp định giá cho rừng trồng sản xuất có chu kỳ dưới 10 năm
<i>K2</i>	Hệ số điều chỉnh rủi ro của dự án các-bon	1	Nguồn từ quy định phương pháp định giá cho rủi ro rò rỉ, đảo nghịch phát thải trung bình, lượng dự phòng từ trên 15% đến dưới 30%
<i>K3</i>	Hệ số điều chỉnh quy mô lượng tín chỉ các-bon do dự án các-bon tạo ra	0,8	Nguồn từ quy định phương pháp định giá cho lượng tín chỉ các-bon tạo ra dưới 100 ngàn tấn tCO <sub>2td</sub> /năm
<i>G<sub>kđ</sub></i>	<b>Giá tín chỉ các-bon khởi điểm</b>	<b>13,43\$/tín chỉ</b>	Theo tính toán của đơn vị tư vấn

# Ví dụ minh họa định giá theo phương pháp so sánh

- 1 Xác định loại hình dự án ⇒ Dự án nâng cao chất lượng rừng IFM
- 2 Thu thập thông tin giá tín chỉ các-bon giao dịch tự nguyện và bắt buộc tại thị trường trong nước ⇒ Trường hợp thị trường các-bon trong nước chưa có giao dịch, tiến hành thu thập thông tin từ thị trường tự nguyện quốc tế

- 3 Xác định giá tín chỉ các-bon tham chiếu ( $G_{tc}$ ): ⇒ 15,5 \$ / 1 tín chỉ

- 4 Xác định hệ số điều chỉnh cho hệ số K1, K2, K3 ⇒
- |  |   |   |
|--|---|---|
| Hệ số chất lượng tín chỉ các-bon do dự án các-bon tạo ra (K1) cho rừng trồng sản xuất có chu kỳ dưới 10 năm: 0,8 | Hệ số điều chỉnh rủi ro của dự án các-bon (K2) cho rủi ro rò rỉ, đảo nghịch phát thải trung bình: 1 | Hệ số điều chỉnh quy mô lượng tín chỉ các-bon do dự án các-bon tạo ra < 100kt CO <sub>2</sub> / năm : 0,8 |
|--|---|---|

- 5 Tính giá khởi điểm ( $G_{kd}$ ) ⇒ 
$$G_{kd} = G_{tc} \times \frac{K1+K2+K3}{3} = 13,43 \text{ \$ / 1 tín chỉ}$$

# Đánh giá doanh thu dự án theo phương pháp so sánh

Giai đoạn tín dụng (năm)	Số năm kéo dài khai thác (năm/chu kỳ)	Số lượng chu kỳ	Số tín chỉ / chu kỳ	Doanh thu tín chỉ / chu kỳ (USD)
40	2	7	52.295	702.492

# Kết luận


- Sự chênh lệch giữa hai phương pháp so sánh giá chủ yếu xuất phát từ việc giá tín chỉ các-bon tham chiếu được lấy theo giá tham khảo trên thị trường quốc tế. Mức giá này có sự khác biệt so với trong nước do các yếu tố như chi phí trồng rừng, chi phí triển khai dự án, chi phí MRV và chi phí tư vấn phát triển dự án.
- Hiện nay, việc xác định giá khởi điểm cho tín chỉ các-bon vẫn gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn dữ liệu đáng tin cậy, chẳng hạn như thông tin về giá giao dịch tín chỉ các-bon trong thị trường tự nguyện trong nước hoặc chi phí thực tế cho các hoạt động MRV của dự án các-bon rừng.





**Xin trân trọng cảm ơn!**

Trần Minh Tuyến

Đồng sáng lập, Chủ tịch HĐQT

 minhtuyen@eec.vn

 +84 912437615

 [www.reallygreatsite.com](http://www.reallygreatsite.com)

# Giá tín chỉ các-bon

